成年女子　フルーレ

県名	No.	1	2	3	4	勝点	勝数	突数	被突数	TD-TR	順位
静岡	1		勝点 0 V 3 TD 34 TR 36	勝点 0 V 1 TD 18 TR 44	勝点 0 V 4 TD 29 TR 35	0	8	81	115	-34	4
三重	2	勝点 1 V 6 TD 36 TR 34		勝点 0 V 0 TD 11 TR 44	勝点 0 V 2 TD 22 TR 41	1	8	69	119	-50	3
岐阜	3	勝点 1 V 8 TD 44 TR 18	勝点 1 V 9 TD 44 TR 11		勝点 1 V 9 TD 43 TR 12	3	26	131	41	90	1
愛知	4	勝点 1 V 5 TD 35 TR 29	勝点 1 V 7 TD 41 TR 22	勝点 0 V 0 TD 12 TR 43		2	12	88	94	-6	2

フルーレ、エペの合計により　代表県　岐阜県

試合番号 1 ＝ (1 - 4)

県名	氏名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
愛知	小塚 麻由	1	V5				D1	D2	D3		0	6
	益田 惟奈	2					V5	V5	V5		3	15
	佐藤 凉華	3					V5	V5	D4		2	14
	石畑 恵利香											
静岡	石川 結理	4	V5	D3	D2		4				1	10
	加藤 早絵	5	V5	D2	D1						1	8
	中村 莉子	6	V4	D2	V5						2	11
	西川 明華											
		TR	14	7	8		11	12	12			

試合番号 2 ＝ (2 - 3)

県名	氏名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
岐阜	伊藤 真希	1	V9				V5	V5	V5		3	15
	川満 千乃	2					V5	V5	V5		3	15
	山田 里衣	3					V4	V5	V5		3	14
	河瀬 珠恵											
三重	楠木 麗	4	D2	D1	D1		0				0	4
	村上 夏希	5	D0	D0	D1						0	1
	岩間 日向子	6	D1	D3	D2						0	6
	下出 祐里											
		TR	3	4	4		14	15	15			

試合番号 3 ＝ (1－3)

県名	氏名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
岐阜	伊藤 真希	1	V8				V5	V5	V5		3	15
	川満 千乃	2					V5	D4	V5		2	14
	山田 里衣	3					V5	V5	V5		3	15
	河瀬 珠恵											
静岡	石川 結理	4	D2	D1	D1		1				0	4
	加藤 早絵	5	D2	V5	D2						1	9
	中村 莉子	6	D1	D3	D1						0	5
	西川 明華											
		TR	5	9	4		15	14	15			

試合番号 4 ＝ (2－4)

県名	氏名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
三重	楠木 麗	1	2				V5	V5	D4		2	14
	岩間 日向子	2					D0	D2	D3		0	5
	下出 祐里	3							D0		0	0
	村上 夏希						D1	D2			0	3
愛知	佐藤 涼華	4	D4	V5		V4	V7				2	13
	益田 椎奈	5	D3	V5		V5					2	13
	小塚 麻由	6	V5	V5	V5						3	15
	石畑 恵利香											
		TR	12	15	5	9	6	9	7			

試合番号 5 ＝ (3－4)

県名	氏名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
岐阜	伊藤 真希	1	V9				V5	V5	V5		3	15
	川満 千乃	2					V4	V5	V5		3	14
	山田 里衣	3					V5	V4	V5		3	14
	河瀬 珠恵											
愛知	佐藤 涼華	4	D0	D2	D1		0				0	3
	益田 椎奈	5	D2	D1	D3						0	6
	小塚 麻由	6	D0	D1	D2						0	3
	石畑 恵利香											
		TR	2	4	6		14	14	15			

試合番号 6 ＝ (1－2)

県名	氏名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
静岡	石川 結理	1	3				V6	D4	D4		1	13
	中村 莉子	2					V5	D2	V5		2	12
	加藤 早絵	3					D2	D4	D3		0	9
	西川 明華											
三重	楠木 麗	4	D3	D1	V5		V6				1	9
	村上 夏希	5	V5	V5	V5						3	15
	岩間 日向子	6	V5	D2	V5						2	12
		TR	13	8	15		12	10	12			

成年女子　　エペ

県名	No.	1	2	3	4	勝点	勝数	突数	被突数	TD-TR	順位
愛知	1		勝点 0 V 3 TD 35 TR 37	勝点 0 V 2 TD 30 TR 42	勝点 1 V 5 TD 32 TR 36	1	10	97	115	-18	3
静岡	2	勝点 1 V 6 TD 37 TR 35		勝点 0 V 0 TD 25 TR 45	勝点 0 V 1 TD 26 TR 43	1	7	88	123	-35	4
岐阜	3	勝点 1 V 7 TD 42 TR 30	勝点 1 V 9 TD 45 TR 25		勝点 1 V 7 TD 41 TR 27	3	23	128	82	46	1
三重	4	勝点 0 V 4 TD 36 TR 32	勝点 1 V 8 TD 43 TR 26	勝点 0 V 2 TD 27 TR 41		1	14	106	99	7	2

試合番号 1 ＝ (1 - 4)

県名	氏名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
愛知	益田 椎奈	1	V5				D1	V5	V5		2	11
	石畑 恵利香	2					D2	V5			1	7
	小塚 麻由	3					D2	V5	D2		1	9
	佐藤 涼華								V5		1	5
三重	村上 夏希	4	V5	V5	V5		4				3	15
	楠木 麗	5	D4	D4	D3						0	11
	岩間 日向子	6	D3		V5	D2					1	10
	下出 祐里											
		TR	12	9	13	2	5	16	12			

試合番号 2 ＝ (2 - 3)

県名	氏名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
岐阜	山田 里衣	1	V9				V5	V5	V5		3	15
	河瀬 珠恵	2					V5	V5	V5		3	15
	伊藤 真希	3					V5	V5	V5		3	15
	川満 千乃											
静岡	加藤 早絵	4	D0	D4	D4		0				0	8
	石川 結理	5	D4	D3	D3						0	10
	中村 莉子	6	D2	D1	D4						0	7
	西川 明華											
		TR	6	8	11		15	15	15			

試合番号 3 ＝ (1－3)

県名	氏名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
愛知	石畑 恵利香	1	2					D3	D3		0	6
	益田 椎奈	2					D2	D2	V5		1	9
	佐藤 涼華	3					D2		V5	D4	1	11
	小塚 麻由						D4				0	4
岐阜	山田 里衣	4		V5	V5	V5	V7				3	15
	伊藤 真希	5	V5	V5							2	10
	河瀬 珠恵	6	V5	D3	D4						1	12
	川満 千乃				V5						1	5
		TR	10	13	14	5	8	5	13	4		

試合番号 4 ＝ (2－4)

県名	氏名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
静岡	加藤 早絵	1	1				V5	D3	D1		1	9
	中村 莉子	2					D1	D4	D1		0	6
	石川 結理	3					D4	D4	D3		0	11
	西川 明華											
三重	村上 夏希	4	D3	V5	V5		V8				2	13
	楠木 麗	5	V5	V5	V5						3	15
	岩間 日向子	6	V5	V5	V5						3	15
	下出 祐里											
		TR	13	15	15		10	11	5			

試合番号 5 ＝ (3－4)

県名	氏名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
岐阜	山田 里衣	1	V7				V5	V5	V5		3	15
	河瀬 珠恵	2					D3	V5	V5		2	13
	川満 千乃	3					V4	D4	V5		2	13
	伊藤 真希											
三重	村上 夏希	4	D2	V4	D3		2				1	9
	楠木 麗	5	D2	D1	V5						1	8
	岩間 日向子	6	D4	D4	D2						0	10
	下出 祐里											
		TR	8	9	10		12	14	15			

試合番号 6 ＝ (1－2)

県名	氏名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
愛知	佐藤 涼華	1	3				D3	V5	D2		1	10
	益田 椎奈	2					V5	D4	V5		2	14
	小塚 麻由	3					D4		D4		0	8
	石畑 恵利香							D3			0	3
静岡	加藤 早絵	4	V5	D3	V5		V6				2	13
	石川 結理	5	D2	V5		V5					2	12
	中村 莉子	6	V5	D2	V5						2	12
	西川 明華											
		TR	12	10	10	5	12	12	11			

少年男子

県名	No.	1	2	3	4	勝点	勝数	突数	被突数	TD-TR	順位
岐阜	1		勝点 1 V 5 TD 25 TR 4	勝点 1 V 9 TD 45 TR 8	勝点 1 V 7 TD 43 TR 21	3	21	113	33	80	1
静岡	2	勝点 0 V 0 TD 4 TR 25		勝点 0 V 1 TD 24 TR 43	勝点 0 V 0 TD 16 TR 45	0	1	44	113	-69	4
三重	3	勝点 0 V 0 TD 8 TR 45	勝点 1 V 8 TD 43 TR 24		勝点 0 V 2 TD 26 TR 39	1	10	77	108	-31	3
愛知	4	勝点 0 V 2 TD 21 TR 43	勝点 1 V 9 TD 45 TR 16	勝点 1 V 7 TD 39 TR 26		2	18	105	86	20	2

代表県	岐阜県

試合番号 1 ＝ (1 - 4)

県名	氏名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
愛知	太田 拓輝	1	2				D3	D2		D2	0	7
	加賀 匠馬	2					D3	D1		D0	0	4
	伊藤 真吾	3					D0	V5	V5		2	10
	小畑 英人											
岐阜	馬場 俊輔	4	V5	V5	V5		V7				3	15
	勅使河原 明日架	5	V5	V5	D4						2	14
	濱口 晴也	6			D4						0	4
	大竹 諒		V5	V5							2	10
		TR	15	16	13		6	8	5	2		

試合番号 2 ＝ (2 - 3)

県名	氏名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
三重	小崎 一磨	1	V8				V5	V5	V5		3	15
	木場 悠斗	2					V5	V5	V5		3	15
	佐藤 光琉	3					D3		V5		1	8
	井上 貴斗							V5			1	5
静岡	杉山 比呂	4	D2	D3	V5		1				1	10
	米倉 侑哉	5	D4	D1		D1					0	6
	高橋 拳一	6	D2	D4	D2						0	8
	伊藤 圭佑											
		TR	8	8	7	1	13	15	15			

試合番号 3 ＝ (1－3)

県名	氏名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
三重	小嶋 一磨	1	0					D1	D2	D2	0	6
	木場 悠斗	2					D1	D1	D1		0	3
	井上 貴斗	3					D0		D0		0	0
	佐藤 光琉							D0			0	0
岐阜	馬場 俊輔	4		V5	V5		V9				2	10
	勅使河原 明日架	5	V5	V5		V5					3	15
	大竹 諒	6	V5	V5	V5						3	15
	溝口 晴也		V5								1	5
		TR	15	15	10	5	1	2	3	2		

試合番号 4 ＝ (2－4)

県名	氏名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
静岡	杉山 比呂	1	0					D1	D1	D0	0	2
	米倉 侑哉	2					D2	D2	D2		0	6
	伊藤 圭佑	3							D1		0	1
	高橋 拳一						D3	D4			0	7
愛知	小畑 英人	4		V5		V5	V9				2	10
	伊藤 真吾	5	V5	V5		V5					3	15
	加賀 匠馬	6	V5	V5	V5						3	15
	太田 拓輝		V5								1	5
		TR	15	15	5	10	5	7	4	0		

試合番号 5 ＝ (3－4)

県名	氏名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
三重	小嶋 一磨	1	2				D4	D1		D3	0	8
	木場 悠斗	2					V5	D2		D2	1	9
	井上 貴斗	3					V5	D0	D4		1	9
	佐藤 光琉											
愛知	伊藤 真吾	4	V5	D2	D2		V7				1	9
	太田 拓輝	5	V5	V5	V5						3	15
	小畑 英人	6			V5						1	5
	加賀 匠馬		V5	V5							2	10
		TR	15	12	12		14	3	4	5		

試合番号 6 ＝ (1－2)

県名	氏名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
静岡	杉山 比呂	1	0					D0	D0		0	0
	米倉 侑哉	2					D1				0	1
	高橋 拳一	3					D3		D0		0	3
	伊藤 圭佑											
岐阜	馬場 俊輔	4		V5	V5		V5				2	10
	溝口 晴也	5	V5								1	5
	大竹 諒	6	V5		V5						5	10
	勅使河原 明日架											
		TR	10	5	10		4	0	0			

少 年 女 子

県 名	No.	1	2	3	4	勝点	勝数	突数	被突数	TD-TR	順位
岐阜	1		勝点 1 V 5 TD 31 TR 26	勝点 1 V 8 TD 41 TR 12	勝点 1 V 7 TD 42 TR 22	3	20	114	59	55	1
愛知	2	勝点 0 V 3 TD 25 TR 31		勝点 1 V 7 TD 39 TR 27	勝点 0 V 4 TD 37 TR 30	1	14	101	88	13	3
静岡	3	勝点 0 V 1 TD 12 TR 41	勝点 0 V 2 TD 27 TR 39		勝点 0 V 2 TD 22 TR 42	0	5	61	122	-61	4
三重	4	勝点 0 V 2 TD 22 TR 42	勝点 1 V 5 TD 30 TR 37	勝点 1 V 7 TD 42 TR 22		2	14	94	101	-7	2
			代表県	岐阜県				三重県			

試合番号 1 ＝ (1 - 4)

県 名	氏 名	NO	1	2	3	R	4	5	6	R	V	TD
三重	那須 茜	1	2				V5	D3	D4		1	12
	奥田 あや	2					D1	D0	V5		1	6
	岡田 悠	3					D1		D2		0	3
	倉田 美月	R								D1	0	1
岐阜	岡田 芽生	4	D4	V5	V5		V7				2	14
	武藤 未澪	5	V5	V5							2	10
	中出 陽愛	6	V5	D3	V5						2	13
	鈴木 真綾	R				V5					1	6
		TR	14	13	10	5	7	3	11	1		

試合番号 2 ＝ (2 - 3)

県 名	氏 名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
静岡	雨宮 なな子	1	2				D4	V5	D2		1	11
	福島 楽月	2					D3	D2	D2		0	7
	和田 佳純	3					D2	V5	D2		1	9
	山本 優梛											
愛知	井上 結唯	4	V4	V4	V5		V7				3	13
	犬飼 知奈美	5	D2	V5	D4						1	11
	永井 杏奈	6	V5	V5	V5						3	15
	南 夏妃											
		TR	11	14	14		9	12	6			

試合番号 3 ＝ (1－3)

県名	氏名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
静岡	雨宮 なな子	1	1					D4	D0	D0	0	
	和田 佳純	2					D0	V5	D2		1	
	福島 菜月	3					D0		D1		0	
	山本 優樺							D0				
岐阜	岡田 芽生	4		V5	V5		V8				2	
	鈴木 真綾	5	V5	D3		V5					2	
	武藤 未澪	6	V4	V5	V4						3	
	中出 陽愛		V5								1	
		TR	14	13	9	5	0	9	3	0		

試合番号 4 ＝ (2－4)

県名	氏名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
三重	那須 茜	1	V5				V5	V5	V5		3	15
	奥田 あや	2					D1	V5	D1		1	7
	岡田 悠	3					D2	V5	D1		1	8
	倉田 美月											
愛知	井上 結唯	4	D4	V6	V6		4				2	14
	大飼 知奈美	5	D4	D2	D4						0	10
	永井 杏奈	6	D3	V5	V5						2	13
	南 夏妃											
		TR	11	12	14		8	15	7			

試合番号 5 ＝ (3－4)

県名	氏名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
静岡	雨宮 なな子	1	2				D2	V4	D2		1	8
	和田 佳純	2					D0	D4	D3		0	7
	福島 菜月	3					D1	D1	V6		1	7
	山本 優樺											
三重	那須 茜	4	V5	V5	V5		V7				3	15
	岡田 悠	5	D3	V5	V6						2	13
	奥田 あや	6	V5	V5	D4						2	14
	倉田 美月											
		TR	13	15	14		3	9	10			

試合番号 6 ＝ (1－2)

県名	氏名	NO	1	2	3		4	5	6		V	TD
愛知	井上 結唯	1	3				D1	D3	V5		1	9
	永井 杏奈	2					V6	V2	D3		2	10
	南 夏妃	3					D2		D4		0	6
	大飼 知奈美											
岐阜	岡田 芽生	4	V5	D3	V5		V5				2	13
	中出 陽愛	5	V4	D2							1	6
	武藤 未澪	6	D2	V5	V5						2	12
	鈴木 真綾											
		TR	11	10	10		8	5	12			